**Biểu số 2đ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:…**

**BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM TỪ VIỆC THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ, SÁP NHẬP ĐƠN VỊ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phân loại đơn vị** | **Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2023** | **Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2023 (lương 1,49)** | **Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024** | **Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2024 (lương 1,49)** | **Kinh phí NSNN chi trả Quỹ lương, phụ cấp tiết kiệm được trong 1 tháng** | **Kinh phí NSNN khác (không bao gồm quỹ lương, phụ cấp) tiết kiệm được năm 2024** | **Tổng kinh phí NSNN tiết kiệm năm 2024** | **50% kinh phí giảm chi NSNN năm 2024 dành để CCTL** |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 4 - 2 | 6 | 7 = 5 x 12 tháng + 6 | 8 = 7 x 50% |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| I | Quản lý nhà nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Sự nghiệp công lập |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *...., ngày..... tháng...... năm......***CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ***(Ký tên, đóng dấu)* |